

Bản án số: 35/2024/HS-ST
Ngày 09-5-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trung Hiếu
2. Bà Trần Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và 09 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 36/2024/TLST-HS ngày 08 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 4 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn G - sinh năm 1993 tại N, Khánh Hòa; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn T, xã N, thị xã N, Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 01/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn C (sinh năm 1950) Con bà Lê Thị M (đã chết); Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con út; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 23/4/2020 bị Tòa án nhân dân thị xã N áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chấp hành xong ngày 01/9/2021; Nhân thân: Ngày 12/12/2016 bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 04 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian thử thách 01 năm, chấp hành xong hình phạt ngày 12/12/2027, chấp hành án phí ngày 20/02/2017; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Bùi Thị T – sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã N, thị xã N, Khánh Hòa.

Có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Huỳnh Kỳ T1 – sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn X, xã N, thị xã N, Khánh Hòa.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Bà Lê Thị B – sinh năm 1960

+ Ông Nguyễn Văn S – sinh năm 1987

- + Ông Huỳnh Hữu B1 – sinh năm 1986
 - + Ông Nguyễn B2 – sinh năm 1968
 - + Ông Nguyễn C – sinh năm 1950
- Đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn G thấy hàng xóm là bà Bùi Thị T có điện thoại di động loại Nokia X10 nên nảy sinh ý định trộm cắp bán để lấy tiền tiêu xài. Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 16 tháng 5 năm 2023, Gần trèo qua hàng rào vào sau vườn nhà bà T thấy cửa phòng bếp không khóa. Gần mở cửa đi lên phòng khách lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động loại Nokia X10 màu xanh đen đang sạc pin trên kệ tivi và sau đó đem về nhà. Sáng cùng ngày, G đem điện thoại di động đến xã N nhờ Huỳnh Hữu B1 đem đi cầm cố. B1 chở G đến phường N giúp cầm cố điện thoại cho Huỳnh Kỳ T1 với giá 1.000.000 đồng, thời hạn cầm cố 03 ngày. Hết hạn cầm cố, B1 không liên lạc được với G nên nói T1 đưa thêm 200.000 đồng rồi tìm gặp và đưa lại Gần số tiền này. Khoảng 02 ngày sau, T1 bán điện thoại di động cho người đàn ông tên Lưu không rõ lai lịch với giá 1.200.000 đồng. Bà T và mẹ là bà Lê Thị B nghi ngờ G là người trộm cắp điện thoại nên đến nhà gặp hỏi thì G thừa nhận. Bà T trình báo Công an xã N đến làm việc.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 41/KL-HĐĐGTS ngày 21/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân thị xã N: 01 điện thoại di động loại Nokia X10, màu xanh đen mua mới vào tháng 02/2022 tại Nga vào thời điểm ngày 16/5/2023 có giá trị là 4.122.500 đồng.

Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động loại Nokia X10, màu xanh đen Huỳnh Kỳ T1 đã bán cho người đàn ông tên Lưu không rõ nhân thân lai lịch, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Về phần dân sự: Bị hại yêu cầu Nguyễn G bồi thường trách nhiệm dân sự 6.000.000 đồng, bị cáo chưa bồi thường.

Trong vụ án này, Huỳnh Hữu B1 và Huỳnh Kỳ T1 giúp Nguyễn G cầm cố điện thoại nhưng không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKS ngày 30/3/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, tỉnh Khánh Hòa truy tố bị cáo Nguyễn G về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã N vẫn giữ nguyên về điều luật và tội danh của cáo Nguyễn G như bản cáo trạng đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo G từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị không xem xét. Đối với số tiền 1.200.000 đồng do bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên đề nghị nộp thu vào ngân sách nhà nước.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận gì với phần luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt nhưng đã có lời khai trong hồ sơ, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã N đã truy tố, thể hiện: Ngày 16 tháng 5 năm 2023 tại thôn T, xã N, thị xã N, Khánh Hòa, Nguyễn G trộm cắp 01 điện thoại di động Nokia X10 của bà Bùi Thị T có giá trị là 4.122.500 đồng.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn G phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây hoang mang cho quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản. Bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt tài sản với mục đích sử dụng riêng cho cá nhân. Bị cáo có nhân thân xấu nhưng không rèn luyện, tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội nên cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi phạm tội mới có đủ tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[6] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa sơ thẩm cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- **Tại phiên tòa, bị hại** bà Bùi Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Kỳ T1 vắng mặt **tại phiên tòa nhưng tại hồ sơ vụ án thể hiện không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xét.**

- Xét thấy số tiền 1.200.000 đồng do bị cáo thu lợi bất chính từ việc phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải nộp thu vào ngân sách nhà nước.

[8] **Vấn đề khác:** Đối với Huỳnh Hữu B1 và Huỳnh Kỳ T1 giúp Nguyễn G cầm cố điện thoại nhưng không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý trách nhiệm hình sự.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn G 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo nộp **số tiền 1.200.000đ (Một triệu hai trăm nghìn đồng)** vào Ngân sách nhà nước.

3. Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt **có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.**

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Công an thị xã N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ái Vy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Chuyển

Trần Thị Hiến

Đặng Thị Ái Vy

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS thị xã N;
- Công an thị xã N;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ái Vy